

Số: 29/2022/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 10 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHOÁ XIX, KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật
ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012 và các văn bản
hướng dẫn thi hành Luật Hợp tác xã;*

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

*Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019 và các văn bản
hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của
Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định
của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Thông tư số
106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi,
bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền
quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;*

*Xét Tờ trình số 108 /TTr-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân về dự thảo nghị quyết Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu,
nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký kinh doanh thuộc thẩm quyền quyết định
của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra
số 292/BC-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Ban Pháp chế Hội đồng
nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người nộp lệ phí: Các hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (*bao gồm cả giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã*);

b) Tổ chức thu lệ phí: Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thu lệ phí đăng ký kinh doanh đối với liên hiệp hợp tác xã. Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thu lệ phí đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh và hợp tác xã;

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 2. Đối tượng miễn, giảm lệ phí

1. Đối tượng được miễn lệ phí

Hộ kinh doanh, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã trong trường hợp cập nhật, bổ sung thông tin do thay đổi địa giới hành chính được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh.

2. Đối tượng được giảm 50% lệ phí

Hộ kinh doanh do chủ hộ là người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Điều 3. Mức thu lệ phí

1. Lệ phí đăng ký hộ kinh doanh

a) Lệ phí cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: 100.000 đồng/lần;

b) Lệ phí cấp lại, thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: 20.000 đồng/lần.

2. Lệ phí đăng ký liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã

a) Lệ phí cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã: 200.000 đồng/lần;

b) Lệ phí cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã: 100.000 đồng/lần;

c) Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã: 50.000 đồng/lần;

d) Lệ phí cấp lại, cấp thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã; hợp tác xã (*bao gồm: cấp lại, thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã*): 20.000 đồng/lần.

3. Lệ phí cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: 2.000 đồng/bản.

Điều 4. Chế độ thu, nộp lệ phí

Tổ chức thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách Nhà nước; thực hiện kê khai, nộp số tiền lệ phí thu được theo quy định của Luật Phí và lệ phí, Luật Quản lý thuế, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này bãi bỏ mục III phần B Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng 10 khoản phí và 05 khoản lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2017/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định của Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015 và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Đối với các hồ sơ, thủ tục hành chính hợp lệ của các tổ chức, cá nhân đã được tiếp nhận theo quy định trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì thực hiện mức thu theo Nghị quyết số 10/2017/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ

thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Các Ban của HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Sở Tư pháp (đăng tải CSDLPL);
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Báo Tuyên Quang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh Tuyên Quang;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Minh Xuân